

Số: 41/2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định nội dung chi, mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ
bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số
85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn
việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội
khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.*

*Xét Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ
phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số
667/BC-BPC ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được
hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội
đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ
phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1
Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng
và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân
dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.



Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 3. Nguyên tắc chi

Kinh phí phục vụ công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phục vụ công tác tổ chức bầu cử; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, tổ chức để phục vụ công tác bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

Điều 4. Nội dung chi, mức chi

1. Nội dung chi, mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo).

2. Các nội dung chi khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 87/2025/TT-BTC và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ

1. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 thực hiện theo thực tế, được tính từ thời gian Ban Chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử, các Ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử, Tổ giúp việc, Tổ bầu cử được thành lập đến khi kết thúc nhiệm vụ; tối đa không quá 5 tháng.

2. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng, hỗ trợ cao nhất.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.



Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết.

a) Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ đối với các hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Đối với khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực; các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.!

Nơi nhận: *Ruon*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Cục Hỗ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng Cổng thông tin điện tử tỉnh);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Hạnh



Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
I	Chi tổ chức các hội nghị			
1	Hội nghị triển khai công tác bầu cử; Hội nghị trực tuyến; Hội nghị hiệp thương; Hội nghị giao ban; Hội nghị tổng kết, khen thưởng công tác bầu cử	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.		
2	Hội nghị tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử	Thực hiện Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 và Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai.		
3	Hội nghị tiếp xúc cử tri nơi cư trú; Hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.		
II	Chi bồi dưỡng các cuộc họp, hội nghị (nội dung chi này không áp dụng đối với Hội nghị tiếp xúc cử tri nơi công tác, Hội nghị tiếp xúc cử tri nơi cư trú, Hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử)			
1	Các cuộc họp, hội nghị của Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Ủy ban bầu cử; các Ban bầu cử; các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp			
1.1	Chủ trì cuộc họp, hội nghị	đồng/người/buổi	400.000	300.000
1.2	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	150.000	100.000
1.3	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	100.000	70.000
2	Các cuộc họp, hội nghị khác liên quan đến công tác bầu cử			
2.1	Chủ trì cuộc họp, hội nghị	đồng/người/buổi	250.000	200.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
2.2	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	150.000	100.000
2.3	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	100.000	70.000
III	Chi công tác kiểm tra, giám sát bầu cử của Thường trực Hội đồng nhân dân; Ủy ban bầu cử; các Ban bầu cử; các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp (Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau)			
1	Trưởng đoàn	đồng/người/buổi	250.000	200.000
2	Thành viên chính thức của đoàn	đồng/người/buổi	150.000	100.000
3	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn			
3.1	Phục vụ trực tiếp đoàn	đồng/người/buổi	120.000	100.000
3.2	Phục vụ gián tiếp đoàn (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi	80.000	70.000
4	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:			
	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát.	đồng/báo cáo	2.000.000	1.000.000
IV	Chi xây dựng văn bản			
1	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử	Thực hiện theo Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
2	Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh, liên quan đến công tác bầu cử do Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử, các Ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử, Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ban hành tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý (kế hoạch, chỉ thị, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử)	đồng/văn bản	1.200.000	600.000
V	Chi bồi dưỡng, hỗ trợ cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
1	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:			
1.1	Trưởng ban Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Ban bầu cử.	đồng/người/tháng	2.500.000	2.000.000
1.2	Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử.	đồng/người/tháng	2.000.000	1.500.000
1.3	Các Ủy viên Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Ủy viên Ủy ban bầu cử; Ủy viên các Ban bầu cử, thành viên các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Thường trực Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử, Thư ký Ủy ban bầu cử.	đồng/người/tháng	1.800.000	1.500.000
1.4	Các thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử, Thư ký các Ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.500.000	1.200.000
1.5	Thành viên Tổ bầu cử	đồng/người/tháng		500.000
	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người có hiệu lực đến khi kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
2	Các đối tượng khác được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).	đồng/người/ngày	160.000	
	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	đồng/người/tháng	2.400.000	
3	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng đối với các thành viên tổ bầu cử, lực lượng vũ trang trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử và tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt)	đồng/người/ngày	240.000	
VI	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
	Trưởng, Phó và thành viên Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Ủy ban bầu cử; Trưởng, Phó và thành viên các Ban bầu cử; Trưởng, Phó và thành viên các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Thường trực Tổ giúp việc cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; Thường trực Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Thư ký	đồng/người/tháng	400.000	320.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
VII	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử			
1	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	120.000	96.000
2	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	80.000	64.000
3	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	40.000	32.000
VIII	Chi đóng hòm phiếu (trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung)	đồng/hòm phiếu	Mức chi theo thực tế phát sinh nhưng tối đa không quá 400.000 .	
IX	Chi khắc dấu (trường hợp dấu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung)	đồng/dấu	Mức chi theo thực tế phát sinh nhưng tối đa không quá 400.000 (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí).	
X	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử (Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung)	đồng/bảng	Mức chi theo thực tế phát sinh nhưng tối đa không quá 1.200.000 đồng/bảng.	
XI	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử.	đồng/lần	Trường hợp có nhu cầu phát sinh mới, các cơ quan, đơn vị phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghệ thông tin, ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.	
XII	Các khoản chi khác phục vụ công tác bầu cử			
1	Văn phòng phẩm	đồng/tổ bầu cử	500.000	
2	Trang trí	đồng/tổ bầu cử	5.000.000	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
3	Trà, nước uống	đồng/tổ bầu cử	500.000	
4	Hỗ trợ cho Tổ bầu cử	đồng/tổ bầu cử	7.000.000	
5	Lập danh sách cử tri, thẻ cử tri	đồng/cử tri	600	
6	Chi hỗ trợ tiền khám sức khỏe đối với đại biểu hoạt động chuyên trách Hội đồng nhân dân tỉnh, cấp xã	đồng/giấy chứng nhận	600.000	
XIII	Các nội dung chi khác			
1	Chi công tác tuyên truyền, in ấn	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.		
2	Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ công tác bầu cử	Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chỉ tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hằng năm giao cho cơ quan, đơn vị.		
3	Chi các nội dung khác	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		